

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 /2017/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 23 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức ưu hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 251/TTr-SNN ngày 14 tháng 02 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

1. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Đối với công trình đầu tư tại các xã biên giới

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 90% giá trị quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các xã biên giới theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, không phải hoàn trả ngân sách nhà nước;

- Điều kiện được hưởng mức hỗ trợ: Áp dụng cho các nhà đầu tư thực hiện công tác đầu tư, quản lý, vận hành, khai thác cung cấp nước sạch cho người dân trong thời gian tối thiểu là 10 (mười) năm, với mức hỗ trợ cụ thể:

+ Hỗ trợ 60% giá trị công trình sau khi nghiệm thu, quyết toán hoàn thành đưa công trình vào sử dụng;

+ Hỗ trợ 30% giá trị còn lại trong thời gian 10 (mười) năm, tương ứng mỗi năm là 3%.

b) Đối với công trình đầu tư tại vùng nông thôn khác

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 75% giá trị quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với vùng nông thôn khác, phải hoàn trả ngân sách nhà nước bằng khấu hao cơ bản tài sản cố định theo quy định tại Khoản 3, Điều 4 Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg, hướng dẫn tại Khoản 3, Điều 6 Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Điều kiện được hưởng mức hỗ trợ: Áp dụng cho các nhà đầu tư thực hiện công tác đầu tư, quản lý, vận hành, khai thác cung cấp nước sạch cho người dân trong thời gian tối thiểu là 10 (mười) năm, với mức hỗ trợ 75% giá trị công trình sau khi nghiệm thu, quyết toán hoàn thành đưa công trình vào sử dụng.

2. Các chính sách khuyến khích, hỗ trợ khác trong hoạt động cấp nước sạch nông thôn được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Điều kiện và nguyên tắc thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, tư nhân thực hiện toàn bộ hoặc một số công đoạn trong các hoạt động đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ, quản lý khai thác, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ về cung cấp nước sạch nông thôn.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01. tháng 02. năm 2017

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện,

thành phố Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *mu*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 5;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

65

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng